

CÔNG TY CỔ PHẦN VEGAN VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VEGAN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM VEGAN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108482743

3. Ngày thành lập: 23/10/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Đội 7 xóm Chùa, Thôn Mai Trai, Xã Vạn Thắng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.2245.1122

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất nội hơi (trừ nội hơi trung tâm)	2513
2.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
3.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
4.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
5.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
6.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
7.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm	0119
8.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật Chi tiết: Sản xuất dầu, bơ thực vật	1040
9.	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Xay xát; Sản xuất bột thô.	1061
10.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
11.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng, bạc)	4662
13.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
14.	In ấn	1811
15.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

16.	Vận tải đường ống	4940
17.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hành khách ven biển	5011
18.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh) Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
19.	Giáo dục mẫu giáo	8512
20.	Đào tạo thạc sỹ	8542
21.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
22.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán rượu, bia, quầy bar Quán cà phê, giải khát Dịch vụ phục vụ đồ uống khác	5630
23.	Quảng cáo	7310
24.	Đào tạo sơ cấp	8531
25.	Đào tạo đại học	8541
26.	Đào tạo tiến sỹ	8543
27.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
28.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
29.	Xây dựng nhà không để ở	4102
30.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hoa và cây; Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
31.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
32.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4711
33.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
34.	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất hoá chất hữu cơ cơ bản khác	2011

35.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
36.	Xây dựng nhà để ở	4101
37.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
38.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
39.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
40.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
41.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
42.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
43.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
44.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản Chi tiết: Chế biến và bảo quản nước mắm	1020
45.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Sản xuất nước ép từ rau quả; Chế biến và bảo quản rau quả khác	1030
46.	Sản xuất đường	1072
47.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
48.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
49.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
50.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
51.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
52.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển	5012
53.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùm để nghỉ tạm Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu	5590
54.	Giáo dục tiểu học	8521
55.	Giáo dục trung học cơ sở	8522

56.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác (Loại trừ vận tải bằng xe lam, xe lôi, xe máy, xe xích lô, xe công nông và xe thô sơ khác)	4933
57.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
58.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
59.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
60.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
61.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
62.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005)	8299
64.	Giáo dục nhà trẻ	8511
65.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
66.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
67.	Hoạt động dịch vụ trông trẻ	0161
68.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
69.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
70.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa.	4610
71.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
72.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
73.	Đào tạo trung cấp	8532
74.	Đào tạo cao đẳng	8533
75.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819

76.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới	5021
-----	---	------

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ VĂN BỘ	Đội 7 xóm Chùa, Thôn Mai Trai, Xã Vạn Thắng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	275.000	2.750.000.000	55,000	0010850178 31	
			Tổng số	275.000	2.750.000.000	55,000		
2	LÊ VĂN PHÁT	Đội 7 xóm Chùa, Thôn Mai Trai, Xã Vạn Thắng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	112437653	
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000		
3	HUỲNH VIỆT PHƯƠNG	Số 284 Nguyễn Tri Phương, Khối Châu Trung, Phường Cẩm Nam, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	205397261	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HUỲNH VIỆT PHƯƠNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *04/06/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *205397261*

Ngày cấp: *07/10/2017*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Quảng Nam*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 284 Nguyễn Tri Phương, Khối Châu Trung, ,
Phường Cẩm Nam, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 145 Bà Triệu, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội